TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 292/2023/DS-PT.
Ngày: 18-8-2023
V/v: "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Thị Cẩm Hồng

Các Thẩm phán: 1. Bà Trịnh Thị Phúc

2. Bà Trần Thị Thanh Thúy

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Mai Yến Khanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:*** Ông Huỳnh Phạm Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 224/2023/TLPT-DS ngày 24 tháng 7 năm 2023 về việc *"Tranh chấp quyền sử dụng đất".*

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 63/2023/DS-ST ngày 30 tháng 05 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 261/2023/QĐ-PT ngày 07 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1965.
Địa chỉ: Ấp Thạnh Trung, xã P, huyện C, tỉnh Long An.
Người đại diện theo ủy quyền của ông Đ: ông Lê Ngân G, sinh năm 1982.
Địa chỉ: ấp Xoài Đôi, xã L, huyện C, tỉnh Long An. (Văn bản uỷ quyền ngày 14/8/2023).

2. Bị đơn: Ông Võ Văn M, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Ấp Thạnh Trung, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
3.1. Bà Lê Thị U, sinh năm 1963.
Địa chỉ: Ấp Thạnh Trung, xã P, huyện C, tỉnh Long An.
Người đại diện theo ủy quyền của bà U: ông Lê Ngân G, sinh năm 1982.
Địa chỉ: ấp Xoài Đôi, xã L, huyện C, tỉnh Long An. (Văn bản ủy quyền ngày 14/8/2023).

3.2. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Ấp Thạnh Trung, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

3.3. Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Ấp Thạnh Trung, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

3.4. Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1963.

Địa chỉ: số 119/12A, ấp 1, xã H, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.5 Ông Lê Văn B, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Ấp Thạnh Trung, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

3.6. Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Bích T.

Trụ sở: số 16, đường Nguyễn Thái Bình, khu phố Hòa Thuận 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn D. Chức vụ: Trưởng văn phòng.

4. *Người làm chứng:*

4.1. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Ấp Thạnh Trung, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

4.2. Bà Võ Thị M, sinh năm 1952.

Địa chỉ: Ấp Thạnh Trung, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

5. Người kháng cáo: Bị đơn ông Võ Văn M.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/3/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa, ông Trần Văn Đ thông qua người đại diện theo ủy quyền là bà Lê Thị U trình bày:

Thửa đất 2226, tờ bản đồ số 4, loại đất ONT, đất tại xã P, huyện C, tỉnh Long An thuộc quyền sử dụng của ông Trần Văn Đ. Tiếp giáp liền kề với thửa đất số 2226 là thửa đất số 506, tờ bản đồ số 4 do ông Võ Văn M quản lý, sử dụng. Quyền sử dụng đất thửa số 2226 là tài sản chung của vợ chồng ông Đ. Hiện quyền sử dụng thửa đất số 2226 không dùng để thực hiện bảo đảm nghĩa vụ tài sản cho tổ chức hoặc cá nhân nào.

Về nguồn gốc thửa đất: Trước đây, thửa đất số 2226 là thuộc quyền sử dụng của bà Nguyễn Thị Đặng, bà Đặng sử dụng từ trước năm 1975, trồng lá và trồng mía trên đất. Ba người con trai của bà Đặng là ông Đ, ông Đ, ông Đ cùng canh tác, sử dụng thửa đất này với bà. Bà Đặng chết năm 2012. Ông Đ, ông Đ, ông Đ thống nhất lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản ngày 03/7/2020 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Bích T với nội dung ông Đ được nhận thừa kế thửa đất số 2226 (hợp từ thửa 502 và 504), tờ bản đồ số 4, đất tại xã P, huyện C, tỉnh Long An. Ông Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 2226. Ông Đ tiếp tục trồng và sử dụng dừa lá.

Thời điểm bà Đặng sử dụng rồi tới ông Đ sử dụng, giữa hai thửa đất 2226 và 506 không có ranh giới. Khi ông M san lấp cát trên phần đất tranh chấp, ông M có báo với ông Đ do ông Đ gần nhà ông M, xác định ranh giới, thì ông Đ không đồng ý, nhưng phía bên ông M vẫn tiến hành đổ cát. Còn ông Đ và ông Đ thì ông M không có báo. Thời điểm mà ông M san lấp cát thì ba anh em ông Đ,

ông Đ, ông Đ sử dụng chung hai thửa đất 502 và 504 (số thửa mới là 2226), chứ chưa làm văn bản thỏa thuận phân chia di sản. Khi ông M xây hàng rào và công trình trên đất thì ông Đ có báo chính quyền địa phương là không đồng ý sự việc này. Ông M trình bày khoảng năm 1999 đến năm 2000, cha của ông M có trồng hàng đước để xác định ranh, bà U xác định hàng đước này ở phía sau phần tranh chấp và không liên quan đến phần đất tranh chấp. Khoảng năm 2020, ông M mời bà U vợ ông Đ ra chứng kiến việc cắm ranh bằng cột bê tông, thì hai bên không thống nhất, ông M nói đưa ông Đ 01 mét ngang, bà U không đồng ý, vì còn thiếu 02m, nên hai bên không thỏa thuận được.

Nay ông yêu cầu ông Võ Văn M tháo dỡ công trình trên đất để trả lại phần diện tích 104m^2 tại vị trí C, D theo Mảnh trích đo địa chính do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C duyệt ngày 21/02/2023, đất tại xã P, huyện C, tỉnh Long An. Trường hợp yêu cầu của ông Đ được chấp nhận, ông Đ tự nguyện trả chi phí san lấp cho ông M là 15.600.000 đồng. Ông Đ không đồng ý với yêu cầu của ông Võ Văn M yêu cầu hủy một phần văn bản thỏa thuận phân chia di sản ngày 03/7/2020 giữa ông Trần Văn Đ, ông Trần Văn Đ, ông Trần Văn Đ tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Bích T đối với phần diện tích 104m^2 đang tranh chấp.

Ông Trần Văn Đ thống nhất với Mảnh trích đo địa chính được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C duyệt ngày 21/02/2023; Chứng thư thẩm định giá tài sản VC 23/04/35/BĐS-LA ngày 12/4/2023 của Công ty cổ phần thông tin và thẩm định giá miền Nam lập.

Bị đơn ông Võ Văn M trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Thửa đất số 506, tờ bản đồ số 4, loại đất ONT, đất tại xã P, huyện C, tỉnh Long An thuộc quyền sử dụng của ông Võ Văn M và bà Nguyễn Thị Đ. Tiếp giáp liền kề với thửa đất số 506 là thửa đất 2226, tờ bản đồ số 4 do ông Trần Văn Đ quản lý, sử dụng. Quyền sử dụng đất tại thửa 506 là tài sản chung của vợ chồng ông M. Hiện quyền sử dụng thửa đất số 506 không dùng để thực hiện bảo đảm nghĩa vụ tài sản cho tổ chức hoặc cá nhân nào.

Nguồn gốc: Thửa đất số 506 có nguồn gốc của cha mẹ ông M là ông Võ Văn Mách và bà Nguyễn Thị Gương (đã chết). Lúc đó hiện trạng đất là gò chiến lược, đã có sẵn. Khi mới hòa bình, thì nhà ông M bồi hai phần gò riêng biệt trên thành gò lớn rồi tiến hành canh tác. Gia đình ông M trồng mía và trồng lá trên đất, một năm đốn được 100 lá. Bà Đặng và gia đình bà Đặng không sử dụng phần đất tranh chấp nêu trên. Khi bà Đặng và cha ông M còn sống, sử dụng không có tranh chấp, giữa hai bên không có ranh giới cụ thể. Khoảng năm 1999 đến năm 2000, cha của ông M có trồng hàng đước để xác định ranh, phía bà Đặng không có ý kiến phản đối, ông M không biết bà Đặng và cha ông M có thống nhất hàng đước này là ranh giới hai thửa đất này không. Năm 2018, gia đình ông M tiến hành san lấp, trong đó có phần đất tranh chấp. Khoảng năm 2019-2020, ông M mời bà U vợ ông Đ ra chứng kiến việc cắm ranh bằng cột bê tông thì bà U đồng ý nên ông M mới cắm ranh; ông Đ không có ra chứng kiến.

Ông M đồng ý đưa cho ông Đ 02 (hai) mét ngang, bà U đồng ý nên mới tiến hành cắm cột bê tông.

Nay ông yêu cầu Tòa án hủy một phần văn bản thỏa thuận phân chia di sản ngày 03/7/2020 giữa ông Trần Văn Đ, ông Trần Văn Đ, ông Trần Văn Đ tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Bích T đối với phần diện tích 104m^2 đối với một phần thửa đất số 2226 tại vị trí C, D theo Mảnh trích đo địa chính do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C duyệt ngày 21/02/2023 thuộc quyền sử dụng của ông Võ Văn M. Đất tranh chấp hiện nay ông đang trực tiếp quản lý đã san lấp, có xây dựng một đoạn tường rào và chòi gà trên đất. Ông không đồng ý với toàn bộ yêu cầu của ông Đ.

Ông thống nhất với Mảnh trích đo địa chính được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C duyệt ngày 21/02/2023; Chứng thư thẩm định giá tài sản VC 23/04/35/BĐS-LA ngày 12/4/2023 của Công ty cổ phần thông tin và thẩm định giá miền Nam lập.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Thị U trình bày: bà thống nhất với lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

2. Bà Nguyễn Thị Đ trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày và yêu cầu phản tố của ông M.

3. Ông Trần Văn Đ trình bày: Ông Đ, ông Trần Văn Đ và ông Trần Văn Đ đều là con ruột của bà Nguyễn Thị Đặng. Khi bà Đặng còn sống, bà Đặng có tạo lập và quản lý quyền sử dụng các thửa đất số 504 và thửa đất số 502, tờ bản đồ số 4, loại đất ONT, đất tại xã P, huyện C, tỉnh Long An. Sau khi bà Đặng chết, thì phần đất trên do ông Đ, ông Đ và ông Đ quản lý. Ông Võ Văn M yêu cầu Tòa án hủy một phần văn bản thỏa thuận phân chia di sản ngày 03/7/2020 của gia đình ông tại diện tích đất tranh chấp ông không đồng ý và ông xác định ông có ký tên vào văn bản công chứng này, ông đề nghị Tòa án căn cứ vào pháp luật để giải quyết theo yêu cầu của ông M.

4. Ông Trần Văn Đ trình bày: Ông Đ, ông Trần Văn Đ và ông Trần Văn Đ đều là con ruột của bà Nguyễn Thị Đặng. Khi bà Đặng còn sống, bà Đặng có tạo lập và quản lý quyền sử dụng tại các thửa đất số 504 và thửa đất số 502, tờ bản đồ số 4, loại đất ONT, đất tại xã P, huyện C, tỉnh Long An. Sau khi bà Đặng chết, thì phần đất trên do ông Đ, ông Đ và ông Đ quản lý. Do ông Đ chuyển về huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống từ năm 1982, nên ông Đ và ông Đ là người trực tiếp sử dụng đất. Ông Đ không biết ông M xây hàng rào và làm chuồng gà vào thời điểm nào. Ông Võ Văn M yêu cầu Tòa án hủy một phần văn bản thỏa thuận phân chia di sản ngày 03/7/2020 của gia đình ông tại diện tích đất tranh chấp ông không đồng ý và ông xác định ông có ký tên vào văn bản công chứng này, ông đề nghị Tòa án căn cứ vào pháp luật để giải quyết theo yêu cầu của ông M.

5.Ông Lê Văn B trình bày: Ngày 29/11/2006, ông B được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 506, tờ bản đồ số 4, đất

tại xã P, huyện C, tỉnh Long An, nhưng thời điểm đó là do cấp nhầm, thực tế phần đất này bên ông Võ Văn M sử dụng. Ông B không có quản lý, sử dụng phần đất thuộc thửa đất số 506, tờ bản đồ số 4 mà ông Võ Văn M thực tế sử dụng. Ông Võ Văn M yêu cầu Tòa án xác định phần diện tích 104m^2 tại vị trí C, D theo Mảnh trích đo địa chính do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C duyệt ngày 21/02/2023, trên đất có chuồng gà và một đoạn tường rào, thuộc quyền sử dụng của ông Võ Văn M thì ông B đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định pháp luật giải quyết.

6. Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Bích T trình bày: Văn phòng đã chứng nhận văn bản thỏa thuận phân chia di sản ngày 03/7/2020 giữa ông Trần Văn Đ, ông Trần Văn Đ, ông Trần Văn Đ tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Bích T đối với hai thửa đất số 502, 504 (hợp thành thửa 2226), tờ bản đồ số 4, đất tại xã P, huyện C, tỉnh Long An đúng theo quy định pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 63/2023/DS-ST ngày 30/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện C đã tuyên:

Căn cứ khoản 3, 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 158, 175 của Bộ luật Dân sự 2015; các Điều 166, 170 Luật đất đai năm 2013 và Điều 12 và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Đ đối với ông Võ Văn M về tranh chấp quyền sử dụng đất.

2. Buộc ông Võ Văn M, bà Nguyễn Thị Đ di dời toàn bộ cây trồng, công trình vật kiến trúc có trên đất theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân huyện C ngày 14/11/2022 và Chứng thư thẩm định giá tài sản VC 23/04/35/BĐS-LA ngày 12/4/2023 của Công ty cổ phần thông tin và thẩm định giá Miền Nam lập, để trả lại cho ông Trần Văn Đ phần đất có diện tích 104m^2 thuộc một phần thửa đất số 2226, tờ bản đồ số 4, đất tại xã P, huyện C, tỉnh Long An, thuộc vị trí C và D của Mảnh trích đo bản đồ địa chính được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C duyệt này 21/02/2023.

Vị trí, tứ cận loại đất các phần đất nêu trên theo Mảnh trích đo địa chính được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C duyệt ngày 21/02/2023.

3. Ông Trần Văn Đ trả cho ông Võ Văn M, bà Nguyễn Thị Đ chi phí san lấp là 15.600.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, khoản tiền trên hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Võ Văn M về việc yêu cầu hủy một phần văn bản thỏa thuận phân chia di sản ngày 03/7/2020 giữa ông Trần Văn Đ, ông Trần Văn Đ, ông Trần Văn Đ tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Bích T đối với phần diện tích 104m^2 đối với một phần thửa đất số 2226 (hợp từ thửa đất 502 và 504), tờ bản đồ số 4, đất tại xã P, huyện C, tỉnh Long An.

5. Không chấp yêu cầu phản tố của ông Võ Văn M về việc xác định phần diện tích 104m^2 tại vị trí C, vị trí D theo Mảnh trích đo địa chính do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C duyệt ngày 21/02/2023 thuộc quyền sử dụng của ông Võ Văn M.

6. Cơ quan cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất căn cứ vào bản án, quyết định của Tòa án để điều chỉnh biến động hoặc giải quyết cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phù hợp với kết quả giải quyết của Tòa án.

Trường hợp một trong các bên không thực hiện theo ranh đất theo quyết định của bản án, quyết định của Tòa án thì theo yêu cầu của đương sự, cơ quan thi hành án dân sự ra Quyết định buộc thi hành.

7. Về chi phí đo đạc, định giá và thẩm định với số tiền 9.713.000 đồng. Ông Võ Văn M và bà Nguyễn Thị Đ có trách nhiệm liên đới trả lại cho ông Trần Văn Đ là 9.713.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, khoản tiền trên hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

8. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Võ Văn M và bà Nguyễn Thị Đ có trách nhiệm liên đới phải chịu 300.000 đồng án phí trả lại đất và 300.000 đồng án phí yêu cầu hủy một phần văn bản thỏa thuận phân chia di sản không được chấp nhận, nhưng ông M được miễn án phí do thuộc diện người cao tuổi.

Ông Trần Văn Đ chịu án phí là 780.000 đồng, nhưng ông Đ được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0001131 ngày 13/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C. Ông Đ còn nộp tiếp số tiền án phí là 480.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án đối với các đương sự.

Ngày 6/6/2023 Bị đơn ông Võ Văn M kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bên đương sự đã tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án, cụ thể như sau: ông Võ Văn M và bà Nguyễn Thị Đ đồng tý tự nguyện di dời toàn bộ cây trồng, công trình vật kiến trúc có trên đất tại các vị trí C, D theo Mảnh trích đo địa chính số 04-2023 ngày 21/02/2023 của Chi nhánh

Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C phê duyệt để trả lại cho ông Trần Văn Đ phần đất có diện tích 104m^2 thuộc một phần thửa đất số 2226, tờ bản đồ số 4, đất tại xã P, huyện C, tỉnh Long An; ông Trần Văn Đ đồng ý tự nguyện trả cho ông Võ Văn M và bà Nguyễn Thị Đ chi phí san lấp với số tiền là 60.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự đã thỏa thuận với nhau về vệc giải quyết toàn bộ vụ án. Xét thấy, thỏa thuận của các bên đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự ghi nhận sự tự nguyện của các bên đương sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của ông Võ Văn M được làm đúng theo quy định tại Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, nên được xem xét giải quyết theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Bích T, bà Nguyễn Thị Đ, ông Trần Văn Đ, ông Trần Văn Đ có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Võ Văn M, thấy rằng:

Tại phiên tòa phúc thẩm: ông Trần Văn Đ và bà Lê Thị U có người đại diện theo ủy quyền là ông Lê Ngân G và bị đơn ông Võ Văn M và bà Nguyễn Thị Đ đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án, cụ thể: ông Võ Văn M và bà Nguyễn Thị Đ đồng ý tự nguyện di dời toàn bộ cây trồng và tháo dở toàn bộ công trình kiến trúc có trên đất để trả lại cho ông Trần Văn Đ và bà Lê Thị U diện tích đất tranh chấp là 104m^2 thuộc một phần thửa đất số 2226, tờ bản đồ số 4, loại đất ONT, đất tại xã P, huyện C, tỉnh Long An, vị trí đất tại khu C và khu D theo Mảnh trích đo bản đồ địa chính số 04-2023 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C duyệt này 21/02/2023; ông Trần Văn Đ đồng ý tự nguyện thanh toán lại cho ông Võ Văn M chi phí san lấp đất với số tiền là 60.000.000 đồng. Xét thấy, các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án và sự thỏa thuận của các bên đương sự là tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Từ những nhận định trên: Có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của ông Võ Văn M.

[3] Phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Ông Võ Văn M được miễn án phí do thuộc diện người cao tuổi.

4.2. Ông Trần Văn Đ phải chịu 3.000.000 đồng, ông Đ được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001131 ngày 13/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C. Ông Đ còn phải nộp thêm 2.700.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Võ Văn M được miễn án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Võ Văn M.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 63/2023/DS-ST ngày 30/05/2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 148, Điều 227, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 158, Điều 175 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 166, Điều 170 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 và Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự về việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Trần Văn Đ với ông Võ Văn M.

1.1. Buộc ông Võ Văn M, bà Nguyễn Thị Đ trả cho ông Trần Văn Đ diện tích đất 104m^2 và di dời toàn bộ cây trồng, tháo dở toàn bộ công trình, vật kiến trúc có trên đất thuộc một phần thửa đất số 2226, tờ bản đồ số 4, đất tại xã P, huyện C, tỉnh Long An. Vị trí đất tại khu C và khu D theo Mảnh trích đo bản đồ địa chính số 104-2023, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C duyệt ngày 21/02/2023.

1.2. Ông Trần Văn Đ và ông Võ Văn M có quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thủ tục kê khai đăng ký cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng hiện trạng và diện tích được quản lý, sử dụng và theo quy định pháp luật về đất đai.

1.3. Buộc Trần Văn Đ và bà Lê Thị U phải trả cho ông Võ Văn M, bà Nguyễn Thị Đ chi phí san lấp là 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng).

2. Về chi phí đo đạc, định giá và thẩm định số tiền 9.713.000 đồng. Ông Võ Văn M và bà Nguyễn Thị Đ có trách nhiệm liên đới trả lại cho ông Trần Văn Đ số tiền là 9.713.000 đồng.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phùng Thị Cẩm Hồng

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, khoản tiền trên hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Ông Võ Văn M được miễn án phí.

4.2. Ông Trần Văn Đ chịu 3.000.000 đồng, ông Đ được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001131 ngày 13/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C. Ông Đ còn phải nộp tiếp số tiền 2.700.000 đồng.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: ông Võ Văn M được miễn án phí.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.